



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kinh tế phát triển

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	01	36	2,3	1	N.Anh	Le'
2	000002	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	01	37	4,8	1	Canh	Chấn
3	000003	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	01	38	3,5	1	Anh	Le'
4	000004	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	01	39	8,3	1	Anh	Chấn
5	000005	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	01	40	6,0	1	Anh	le'
6	000006	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	01	41	8,0	02	Biên	Chấn
7	000007	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	01	42	1,5	1	Cường	le'
8	000008	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	01	43	6,0	01	Đạt	CHẤN
9	000009	1101031373	Dương Thị Huyền	Diệu	05/07/2005	QT11B	01					HP, ĐK
10	000010	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	01	44	9,3	01	Duy	chấn
11	000011	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	01	45	7,0	1	Duy	le'
12	000012	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	01	46	5,5	1	Giang	Chấn
13	000013	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	01	47	1,3	1	Hà	le'
14	000014	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	01	48	2,8	1	Hải	chấn
15	000015	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	01	49	5,3	1	Hằng	le'
16	000016	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	01	50	2,8	1	Hiền	chấn
17	000017	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	01	51	3,3	1	Hiếu	le'
18	000018	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	01	52	4,5	1	Minh	chấn
19	000019	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	01	53	0,5	1	Hùng	le'
20	000020	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	01	54	1,8	1	Hùng	Chấn
21	000021	1101030563	Hoàng Tuấn	Hung	28/08/2005	QT11B	01	55	4,8	1	Thị	le'
22	000022	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	01	56	9,5	2	An	chấn
23	000023	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	01	57	3,8	1	le'	le'
24	000024	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	01	58	5,5	1	Huyền	Chấn
25	000025	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	01	59	4,8	1	Khuyên	le'
26	000026	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	01	60	8,5	02	Lan	chấn
27	000027	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	01	61	Không	1	36	le' BB
28	000028	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	01	62	9,5	1	Linh	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	01	63	4,0	1	Linh	lẻ
30	000030	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	01	64	Một	1	Linh	chẵn
31	000031	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	01	65	8,8	1	Linh	lẻ
32	000032	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	01	66	2,8	1	Lợi	chẵn
33	000033	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	01	67	3,5	1	Ph	lẻ
34	000034	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	01	68	5,5	1	Ly	chẵn
35	000035	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	01	69	4,3	1	Ph	lẻ
36	000036	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	01	70	1,5	1	Minh	chẵn
37	000037	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	01	71	3,0	1	Th	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:....36..

Tổng số tờ giấy thi:.....38

Tổng số biên bản:....01....

Ngày 16 tháng 1 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Chau
Nguyễn Thị Thuý Hằng

ph
Khanh Thi Bích Thực



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kinh tế phát triển

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000038	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	01	1	2,0	01	Mừng	chấn
2	000039	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	01					HP,ĐK
3	000040	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	01	2	8,0	01	Ngân	chấn
4	000041	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	01	3	3,3	01	Nguyên	lẻ
5	000042	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	01	4	9,0	02	Nguyệt	chấn
6	000043	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	01	5	1,5	01	Như	Lẻ
7	000044	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	01	6	8,3	01	Phong	chấn
8	000045	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	01	7	4,8	01	Quân	lẻ
9	000046	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	01	8	5,8	01	Quân	chấn
10	000047	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	01	9	3,5	01	Quỳnh	lẻ
11	000048	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	01	10	8,0	01	Thảo	chấn
12	000049	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	01	11	8,8	01	Thương	lẻ
13	000050	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	01	12	6,3	01	Tiên	chấn
14	000051	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	01	13	5,8	01	Trang	lẻ
15	000052	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	01	14	8,3	02	Trang	chấn
16	000053	1101030728	Nguyễn Kiều	Trình	03/10/2005	QT11B	01	15	8,0	01	Trình	lẻ
17	000054	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	01	16	8,5	01	Uyên	chấn
18	000055	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	01	17	5,3	01	Thắm	lẻ
19	000056	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	01	18	5,3	01	Vân	chấn
20	000057	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	01	19	1,5	01	Vũ	lẻ
21	000058	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	01	20	3,0	01	Vy	chấn
22	000059	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	01	21	4,3	01	Yến	lẻ
23	000060	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	01	22	2,5	01	Bảo	chấn
24	000061	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	02	23	7,3	01	Anh	lẻ
25	000062	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	02	25	3,8	01	Hằng	chấn
26	000063	1101070435	Đinh Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	02	26	5,3	01	Hiệp	lẻ
27	000064	1101070436	Nguyễn Ích	Hoàng	25/03/2005	QL11A	02	27	5,8	01	Hoàng	chấn
28	000065	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	02	28	7,0	01	Huyền	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000066	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	02	29	2,5	1	Kiên	chấm
30	000067	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	02	30	6,5	1	Như	lê
31	000068	1101071136	Vũ Ngọc	Phương	12/08/2005	QL11A	02	31	5,0	1	Phương	chấm
32	000069	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	02	32	8,8	1	Quỳnh	lê
33	000070	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	02	33	3,3	1	Thuận	chấm
34	000071	1101070457	Trần Đức	Toàn	16/02/2005	QL11A	02	34	8,8	02	Toàn	lê
35	000072	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	02	35	4,5	01	Trang	chấm
36	000073	1101070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL11A	02					HP,ĐK
37	000074	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	02	24	5,8	01	Xuân	chấm

Tổng số sinh viên dự thi:...35...

Tổng số tờ giấy thi:.....38

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 16 tháng 01 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

(Signature)

Đỗ Thị Nhài